

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Thái Thị Đàng
bà Thái Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: (không có)

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Diệp Văn D - sinh năm 1989
Trú tại: tổ 02 thôn H - xã S - huyện D - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* chị Trần Thị Kim X - sinh năm 1988
Trú tại: tổ 10 thôn C - xã S - huyện D - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và bản tự khai ngày 19/3/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Diệp Văn D trình bày: năm 2015, anh và chị Trần Thị Kim X tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Quá trình sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tôn giáo nên thường xảy ra cãi vã. Từ tháng 12/2018, chị X và anh đã không còn sống chung với nhau. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị X nên anh yêu cầu được ly hôn với chị X. Con chung: vợ chồng anh có 01 con chung Nguyễn Đông Q (sinh ngày 02/12/2017). Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị X trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung

1.000.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Bản tự khai ngày 11/3/2019, bị đơn chị Trần Thị Kim X trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh D về thời gian kết hôn. Vợ chồng sống chung không hề có sự mâu thuẫn lớn. Anh D là người sống không thật lòng, gia trưởng, chỉ biết nghe lời mẹ, mọi việc đều do mẹ anh D quyết định. Khoảng cuối tháng 12/2018, chị đưa con về ngoại chơi như thường kỳ thì anh D và mẹ anh D đã tự ý đem hết toàn bộ đồ đạc của chị sang nhà cha mẹ chị. Trong quá trình sống chung, anh D chưa bao giờ tự chủ về mặt tài chính. Anh D không có công việc làm mà chỉ ở nhà phụ giúp mẹ buôn bán, chị không rõ thu nhập của anh D vì mỗi khi cần tiền làm việc gì thì anh D lại hỏi xin tiền mẹ. Từ ngày chị và anh D không sống chung với nhau, anh D chặn Facebook và xóa số điện thoại của chị. Trước đây, chị có nói đến việc ly dị nhưng thực tế chị chưa bao giờ nghĩ sẽ ly hôn với anh D. Chị không thể đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết ly hôn đơn phương cho anh D. Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đông Q (sinh ngày 02/12/2017). Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị X; đồng ý để chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn chị X không đồng ý ly hôn; nếu Tòa giải quyết cho anh D, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng; tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: anh D và chị X sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2015 ngày 23/11/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh D cho rằng quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tôn giáo. Chị X thì xác định vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì. Do anh D - chồng chị là người không có chính kiến, chỉ biết nghe lời mẹ, không có việc làm mà chỉ ở nhà phụ giúp mẹ, không tự chủ về mặt kinh tế nên nếu Tòa án có không chấp nhận đơn ly hôn của anh D thì vợ chồng chị cũng không thể về sống chung được với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

[2] Con chung: anh D, chị X có một con chung là Nguyễn Đông Quân (sinh ngày 02/12/2017). Chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Anh D đồng ý để chị X là người trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng. Chị X thừa nhận anh D không có việc làm, mọi chi phí trong gia đình đều do mẹ chồng

chị lo liệu. Do đó, việc cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng đối với anh D sẽ khó khăn nên cần để anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng.

[3] Tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về án phí: anh D nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Diệp Văn D được ly hôn với chị Trần Thị Kim X.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đông Q (sinh ngày 02/12/2017) cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tháng 5/2019.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, anh D, chị X đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Quy định chung: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: anh Nguyễn Diệp Văn D nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002523 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - Khánh Hòa. Anh D còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- UBND xã S (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương